

# Indônêsiã: một ðét nước trải qua nhiều giai ðoạn quá ðộ ðân số

## 1. Cách mạng nhân khẩu ở Indônêsiã

Indônêsiã là một quốc gia mà ở ðó, những thay ðổi nhân khẩu ðã xảy ra cho dù không có những biến ðổi quan trọng về tiền ðề kinh tế xã hội. Tỷ lệ tử ðã giảm ði hết sức nhanh chóng kể từ những năm 50, nhưng ðồng thời, tỷ lệ ðân số trẻ cũng tăng lên nhanh chóng. ðiều ðó ðã thúc ðẩy chính phủ phải nhanh chóng có những biện pháp kịp thời. Kể từ năm 1969, chính phủ ðã rất tích cực trong việc ðề ra chính sách kế hoạch hóa gia ðình ðể hạn chế mức sinh. Indônêsiã hy vọng sẽ kết thúc giai ðoạn quá ðộ ðân số hiện nay của mình trong thời gian từ năm 2000 ðến 2005 và bước vào giai ðoạn cuối của quá ðộ ðân số sau năm 2005. Tất nhiên, không phải tất cả các tỉnh ở Indônêsiã, thậm chí các ðơn vị hành chính thấp hơn cấp tỉnh, ðều sẽ kết thúc giai ðoạn quá ðộ ðân số cùng trong giai ðoạn 2000 - 2005. Một số tỉnh có thể ðạt ðược mục tiêu trước hoặc sau giai ðoạn ðó.

## 2. Những thay ðổi ðân số

Trong vòng 15 năm tới (1990 - 2005), ðân số Indônêsiã sẽ tăng thêm khoảng 50 triệu, nâng tổng số ðân lên 230 triệu vào năm 2005. Tỷ lệ tăng ðân số giảm từ 1,64% giai ðoạn 1990 - 1995 xuống 0,66% năm 2015 - 2020. Cả tỷ lệ tăng tự nhiên lẫn tăng chung ðều giảm ở tất cả các tỉnh. Những khác biệt về giai ðoạn quá ðộ ðân số thể hiện trong tỷ lệ sinh thô và chết thô giữa các tỉnh cũng khác nhau. Yogyakarta sẽ kết thúc giai ðoạn quá ðộ ðân số trước năm 2000; ðông Kalimantan trong giai ðoạn từ năm 2000 ðến 2010, Nam Sumatra - giai ðoạn 2010 - 2020 và Tây Nusa Tenggara Baral - trước năm 2020.

Trước năm 1990, ðông Java là tỉnh lớn nhất ở Indônêsiã. Tuy nhiên, từ năm 1990, Tây Java ðã vượt lên trên ðông Java. Tỷ lệ sinh cao và nhập cư ðã góp phần làm tăng ðân số của Tây Java. Ít nhất cho ðến năm 2005, với ðân số khoảng 17 triệu, Tây Java sẽ là tỉnh ðông ðân nhất ở Indônêsiã.

Tuy nhiên, tỷ lệ tăng ðân số ở Tây Java không phải là cao nhất. Tỉnh này có ðân số lớn nhất vì ngay từ ðầu ðã có số ðân rất ðông. Riau là nơi có tỷ lệ tăng ðân cao nhất (4,68%) giai ðoạn 1990 - 1995. Kế ðó là Lampung (4,36%) rồi ðến Kalimantan (4,15%) ðông Kalimantan (3,92%) và Bengkulu (3,59%). Tất cả các tỉnh này có tỷ lệ di cư dương cao hơn 10 trên 1000 ðân hàng năm.

## 3. ðầu tư cho trẻ em

Một trong những kết quả của sự giảm mức sinh thể hiện trong kiểu ðầu tư vào trẻ em. Khi kinh tế ðất nước còn nghèo nàn, các bậc cha mẹ thường mong muốn có nhiều con do họ không ðảm bảo rằng tất cả trẻ sinh ra sẽ sống sót. Họ không chú trọng ðầu tư vào chất lượng con cái. Họ cần trẻ con ðể ðáp ứng nhu cầu kinh tế gia ðình và chăm sóc lúc tuổi già. Với những thành tựu kinh tế ðạt ðược nâng cao mức sống chung của toàn xã hội, người ðân nhận thức ðược rằng con cái họ ðòi hỏi phải ðầu tư tốn kém. Tỷ lệ tử trẻ sơ sinh giảm khiến họ tin tưởng khả năng sống của con cái là cao. Họ không cần phải sinh nhiều con do phần lớn trẻ sinh ra ðều sống sót. Do vậy, có thể nói mức sinh giảm cũng chính là quá trình thay ðổi trong kiểu cha mẹ ðầu tư vào con cái - từ số lượng sang chất lượng (sức khỏe, giáo dục, an ninh). Những khác biệt trong mức sinh cũng ðẫn ðến những khác biệt trong kiểu cha mẹ ðầu tư vào con cái họ. Do vậy, cha mẹ ở Bali, ðông Java, Bắc Sulawesi, Yogyakarta ðầu tư cao nhất vào chất lượng con cái. Sau 15 năm, những khác biệt này sẽ ðẫn ðến những khác biệt trong chất lượng lực lượng lao ðộng. Nhìn chung một tỉnh có tổng tỷ suất sinh thấp hơn sẽ có cơ hội tốt hơn ðể có lực lượng lao ðộng chất lượng cao hơn.

## 4. Sống lâu nhưng với nhiều bệnh tật hơn

Sự giảm mức chết ðẫn ðến một số vấn ðề liên quan tới ðời sống. Nhiều người sống sót, nhưng chất lượng

cuộc sống lại là vấn đề khác. Sống sót không phải luôn có nghĩa là với một sức khỏe tốt. Những gia đình nghèo khiến cho các bậc cha mẹ không thể đầu tư vào chất lượng con cái. Do đó, những nỗ lực giảm bớt tỷ lệ tử ở trẻ em và trẻ sơ sinh phải đi kèm với những cố gắng nâng cao thể trạng của trẻ em cũng như phúc lợi kinh tế của các hộ gia đình.

Một vấn đề nữa là tỷ lệ tử giảm khiến cho nhiều người không khỏe mạnh sẽ sống sót. Các dữ liệu nghiên cứu đã cho thấy trong thời gian 30 năm tới, hơn một nửa số tỉnh ở Indônêsiã vẫn sẽ phải đương đầu với những khó khăn trong các vấn đề y tế. Đó sẽ là một thách thức lớn đối với sự phát triển của các tỉnh này.

### **5. Tỷ lệ sống phụ thuộc**

Những thay đổi trong tỷ lệ sinh ra và tử cũng ảnh hưởng tới cấu trúc tuổi của dân số trong hầu hết các trường hợp, giảm sinh sẽ đi kèm với sự gia tăng tỷ lệ phụ thuộc của người già và làm giảm tỷ lệ phụ thuộc của dân số trẻ. Ban đầu, tổng tỷ lệ phụ thuộc sẽ giảm, nhưng giai đoạn sau sẽ lại tăng lên. Indônêsiã sẽ giảm tỷ lệ phụ thuộc cho tới năm 2020. Sự giảm tỷ lệ phụ thuộc của dân số trẻ vẫn còn cao hơn sự gia tăng của dân số già. Rõ ràng, vào năm 2005, không có tỉnh nào còn tăng tỷ lệ phụ thuộc. Do đó, ít nhất cho tới năm 2005, tất cả các tỉnh sẽ có thể nâng được thu nhập tính theo đầu người. Đó sẽ là cơ hội tốt cho các tỉnh phát triển kinh tế. Tuy nhiên, các tỉnh này sẽ phải có kế hoạch giúp đỡ số lượng tăng lên của những người nhiều tuổi.

Giúp đỡ những người già rất khác giúp đỡ những người trẻ tuổi. Các chính sách khác nhau cần phải được chuẩn bị. Vấn đề đặt ra là sử dụng được những người già trong các hoạt động xã hội khác, cũng như chăm sóc sức khỏe của họ.

### **6. Thị trường lao động**

Mọi phụ nữ sẽ có số con giảm, nhưng tổng số phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ - tuổi từ 15 - 49 - vẫn tăng lên ở tất cả các tỉnh. Điều này dẫn đến nhu cầu cao về số lượng và chất lượng các phương tiện tránh thai, cũng như các dịch vụ liên quan, ít nhất trong mười lăm năm nữa. Do sinh con ít hơn nên phụ nữ có nhiều thời gian tự do hơn cho các hoạt động của họ. Tỷ lệ tham gia vào lực lượng lao động của phụ nữ vì thế sẽ tăng lên và tăng thêm những đòi hỏi về thị trường lao động.

Những người phụ nữ già trong độ tuổi sinh đẻ (tuổi từ 30 - 49) cũng sẽ tham gia vào lực lượng lao động. Vào lứa tuổi 42, hầu hết trong số họ không còn có con đi học ở trường tiểu học. Sẽ không ngạc nhiên nếu tỷ lệ phụ nữ tuổi từ 42 trở lên tham gia vào lực lượng lao động tăng lên. Hiện tượng này sẽ có thể thấy sau năm 2005 trên toàn lãnh thổ Indônêsiã. Các tỉnh Java và Bali sẽ còn chứng kiến hiện tượng này sớm hơn năm 2005.

Như một phần của quá trình già hóa dân số, số những người trên 50 cũng sẽ gia tăng. Họ sẽ không có con dưới 20 tuổi. Con cái họ sẽ không ở nhiều với họ để hoặc là học cao hơn hoặc đi kiếm việc. Họ sẽ rảnh rỗi hơn với chồng như là những cặp vợ chồng mới. Điều này cũng cần được có sự chú ý của các nhà lập chính sách. Nói cách khác, thị trường lao động tương lai sẽ cho thấy sự giảm tỷ lệ lực lượng lao động trẻ. Đối với toàn nước Indônêsiã, số những người trẻ (15 - 24) sẽ đạt mức cao nhất vào năm 2000.

Tỉnh Java đến năm 2000 sẽ có sự giảm sút dân số trong độ tuổi lao động trẻ. Tỷ lệ vào các trường học tăng lên sẽ làm giảm bớt sự tham gia của họ vào lực lượng lao động. Có cơ hội đầu tư tốt hơn cho chất lượng con cái của mình, những người Java sẽ có lực lượng lao động cho dù ít hơn nhưng lại có chất lượng cao. Và chính lực lượng này sẽ có nhiều các nhu cầu hơn nữa đối với thị trường. Khu vực này sẽ nhiều công việc đòi hỏi lao động rẻ, trẻ và không cần kỹ năng vì lực lượng lao động có trình độ kia sẽ không chấp nhận làm những công việc đó.

Hậu quả tất yếu là dòng di cư vào khu vực này sẽ tăng lên. Khuynh hướng này sẽ được đẩy mạnh nếu phát triển kinh tế được thúc đẩy hơn nữa ở đảo Java. Khuynh hướng thiếu lao động trẻ, rẻ và ít kỹ năng sẽ đi kèm với sự dư thừa của những lao động có học thức và phải trả lương cao.

### **Kết luận**

Bài viết này đã trình bày những giai đoạn quá độ dân số khác nhau ở Indônêsiã đã gây ra những hậu quả kinh tế - xã hội khác nhau như thế nào. Bài viết này cũng cho thấy nhu cầu ngày càng tăng đối với sự phát triển,

kể cả các dịch vụ phục vụ sức khỏe và y tế.